

Mã đề thi 591

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

Cho biết nguyên tử khói (theo u) của các nguyên tố là: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23;

Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108.

**Câu 1:** Kim loại phản ứng được với dung dịch HCl là

- A. Cu.      B. Mg.      C. Au.      D. Ag.

**Câu 2:** Chất thuộc loại cacbohiđrat là

- A. lipit.      B. glixerol.      C. xenlulozơ.      D. poli(vinyl clorua).

**Câu 3:** Để phân biệt dung dịch NH<sub>4</sub>Cl với dung dịch BaCl<sub>2</sub>, người ta dùng dung dịch

- A. NaNO<sub>3</sub>.      B. KOH.      C. KNO<sub>3</sub>.      D. Mg(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>.

**Câu 4:** Hoà tan hoàn toàn 2,7 gam Al bằng dung dịch HNO<sub>3</sub> (loãng, dư), thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 4,48.      B. 2,24.      C. 1,12.      D. 3,36.

**Câu 5:** Axit nào sau đây là axit béo?

- A. Axit acrylic.      B. Axit axetic.      C. Axit oleic.      D. Axit fomic.

**Câu 6:** Cho 15 gam hỗn hợp kim loại Zn, Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H<sub>2</sub> (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là

- A. 2,0.      B. 2,2.      C. 8,5.      D. 6,4.

**Câu 7:** Quặng boxit là nguyên liệu dùng để điều chế kim loại

- A. đồng.      B. chì.      C. natri.      D. nhôm.

**Câu 8:** Chất nào sau đây là este?

- A. CH<sub>3</sub>OH.      B. CH<sub>3</sub>CHO.      C. CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.      D. HCOOH.

**Câu 9:** Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là

- A. HCOOH.      B. CH<sub>3</sub>COOH.      C. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH.      D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>NH<sub>2</sub>.

**Câu 10:** Oxit nào sau đây thuộc loại oxit bazô?

- A. SO<sub>2</sub>.      B. NO<sub>2</sub>.      C. CuO.      D. CO<sub>2</sub>.

**Câu 11:** Dung dịch NaOH phản ứng được với

- A. CuO.      B. Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.      C. FeO.      D. Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.

**Câu 12:** Để phản ứng vừa đủ với 100 ml dung dịch CuSO<sub>4</sub> 1M cần m gam bột Zn. Giá trị của m là

- A. 3,90.      B. 9,75.      C. 6,50.      D. 3,25.

**Câu 13:** Cho dãy các kim loại: Mg, Cu, Fe, Ag. Kim loại trong dãy có tính khử mạnh nhất là

- A. Ag.      B. Cu.      C. Mg.      D. Fe.

**Câu 14:** Kim loại Fe phản ứng được với dung dịch

- A. KCl.      B. CaCl<sub>2</sub>.      C. CuCl<sub>2</sub>.      D. NaCl.

**Câu 15:** Kim loại phản ứng được với dung dịch HNO<sub>3</sub> đặc, ngoại là

- A. Cu.      B. Al.      C. Cr.      D. Fe.

**Câu 16:** Cho CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub> phản ứng với dung dịch NaOH (đun nóng), sinh ra các sản phẩm là

- A. CH<sub>3</sub>COONa và CH<sub>3</sub>COOH.      B. CH<sub>3</sub>OH và CH<sub>3</sub>COOH.  
C. CH<sub>3</sub>COOH và CH<sub>3</sub>ONa.      D. CH<sub>3</sub>COONa và CH<sub>3</sub>OH.

**Câu 17:** Cho 6,0 gam HCOOCH<sub>3</sub> phản ứng hết với dung dịch NaOH (dư), đun nóng. Khối lượng muối HCOONa thu được là

- A. 3,4 gam.      B. 4,1 gam.      C. 8,2 gam.      D. 6,8 gam.

**Câu 18:** Cho dãy các dung dịch: glucozo, saccarozo, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A. 2.      B. 3.      C. 1.      D. 4.

**Câu 19:** Điều chế kim loại K bằng phương pháp

- A. điện phân dung dịch  $\text{KCl}$  có màng ngăn.  
B. điện phân  $\text{KCl}$  nóng chảy.  
C. dùng khí  $\text{CO}$  khử ion  $\text{K}^+$  trong  $\text{K}_2\text{O}$  ở nhiệt độ cao.  
D. điện phân dung dịch  $\text{KCl}$  không có màng ngăn.

**Câu 20:** Số oxi hóa của crom trong hợp chất  $\text{CrO}_3$  là

- A. +2.      B. +3.      C. +6.      D. +4.

**Câu 21:** Đồng phân của fructozơ là

- A. glucozo.      B. saccarozo.      C. tinh bột.      D. xenlulozo.

**Câu 22:** Dãy các kim loại được xếp theo chiều giảm dần tính khử là:

- A. K, Zn, Cu.      B. Zn, Cu, K.      C. Cu, K, Zn.      D. K, Cu, Zn.

**Câu 23:** Công thức hóa học của sắt(III) hiđroxit là

- A.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ .      B.  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ .      C.  $\text{FeO}$ .      D.  $\text{Fe}(\text{OH})_2$ .

**Câu 24:** Dãy gồm các hợp chất được xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ là:

- A.  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ ,  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  (anilin),  $\text{NH}_3$ .      B.  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  (anilin),  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ ,  $\text{NH}_3$ .  
C.  $\text{NH}_3$ ,  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ ,  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  (anilin).      D.  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  (anilin),  $\text{NH}_3$ ,  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ .

**Câu 25:** Dung dịch nào sau đây phản ứng được với dung dịch  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  tạo kết tủa?

- A.  $\text{NaCl}$ .      B.  $\text{KNO}_3$ .      C.  $\text{KCl}$ .      D.  $\text{CaCl}_2$ .

**Câu 26:** Chất có tính lưỡng tính là

- A.  $\text{NaHCO}_3$ .      B.  $\text{NaNO}_3$ .      C.  $\text{NaCl}$ .      D.  $\text{NaOH}$ .

**Câu 27:** Kim loại phản ứng được với nước ở nhiệt độ thường là

- A. Cu.      B. Ba.      C. Ag.      D. Fe.

**Câu 28:** Sắt (Fe) ở ô số 26 của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Cấu hình electron của ion  $\text{Fe}^{3+}$  là

- A.  $[\text{Ar}]3\text{d}^6$ .      B.  $[\text{Ar}]3\text{d}^5$ .      C.  $[\text{Ar}]4\text{s}^13\text{d}^4$ .      D.  $[\text{Ar}]4\text{s}^23\text{d}^3$ .

**Câu 29:** Cho dãy các kim loại: Fe, W, Hg, Cu. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là

- A. W.      B. Cu.      C. Hg.      D. Fe.

**Câu 30:** Chất có chứa 6 nguyên tử cacbon trong một phân tử là

- A. glucozo.      B. saccarozo.      C. etanol.      D. glixerol.

**Câu 31:** Polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là

- A. polietilen.      B. poli(vinyl clorua).      C. polistiren.      D. nilon-6,6.

**Câu 32:** Cho  $m$  gam glucozo phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$  (đun nóng), thu được  $0,2$  mol Ag. Giá trị của  $m$  là

- A. 36,0.      B. 16,2.      C. 9,0.      D. 18,0.

**Câu 33:** Chất tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polibuta-1,3-đien là

- A.  $\text{CH}_2=\text{CHCl}$ .      B.  $\text{CH}_2=\text{CH}_2$ .  
C.  $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$ .      D.  $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$ .

**Câu 34:** Cho dãy các chất:  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ ,  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{CH}_3\text{NH}_2$ . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch  $\text{NaOH}$  là

- A. 2.      B. 3.      C. 1.      D. 4.

**Câu 35:** Cho  $0,1$  mol  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$  phản ứng vừa đủ với  $V$  ml dung dịch  $\text{NaOH}$  1M. Giá trị của  $V$  là

- A. 400.      B. 100.      C. 200.      D. 300.

**Câu 36:** Chất có chứa nguyên tố nitơ là

- A. glyxin.      B. axit axetic.      C. phenol.      D. ancol etylic.

**Câu 37:** Chất có khả năng làm mềm nước có tính cứng toàn phần là

- A.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ .      B.  $\text{NaCl}$ .      C.  $\text{CaCl}_2$ .      D.  $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$ .

**Câu 38:** Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, kim loại kiềm thuộc nhóm

- A. IVA.              B. IA.              C. IIIA.              D. IIA.

**Câu 39:** Canxi cacbonat ( $\text{CaCO}_3$ ) phản ứng được với dung dịch

- A.  $\text{NaNO}_3$ .              B.  $\text{KNO}_3$ .              C.  $\text{HCl}$ .              D.  $\text{KCl}$ .

**Câu 40:** Nhỏ vài giọt nước brom vào dung dịch anilin, thấy xuất hiện kết tủa màu

- A. trắng.              B. đỏ.              C. tím.              D. xanh.

----- HẾT -----